SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TU MƠ RÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /VBCB-BVĐKKVTMR

Tu Mơ Rông, ngày 25 tháng 11 năm 2026

VĂN BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa khu vực Tu Mơ Rông, tỉnh Quảng Ngãi.

Số giấy phép hoạt động: 1066/QNG-GPHĐ, ngày 23/10/2026.

Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thôn Mô Pả, xã Tu Mơ Rông, tỉnh Quảng Ngãi.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ông Đinh Thành Hải.

Điện thoại liên hệ: 0963.888.779, Email: bshai1507@gmail.com.

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tu Mơ Rông công bố là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành

Cơ sở tổ chức hướng dẫn thực hành cho các chức danh chuyên môn theo Điều 26 Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 và thời gian thực hành theo Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP như sau:

STT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Trình độ đào tạo của người thực hành được tiếp nhận	Thời gian thực hành
1	Bác sĩ	Y khoa	Bác sĩ y khoa *(trình độ đại học)*	12 tháng
2	Y sĩ	Đa khoa	Y sĩ đa khoa *(trình độ trung cấp, cao đẳng)*	09 tháng

STT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Trình độ đào tạo của người thực hành được tiếp nhận	Thời gian thực hành
3	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Trung cấp, cao đẳng, cử nhân điều dưỡng	06 tháng
4	Hộ sinh	Hộ sinh	Trung cấp, cao đẳng, cử nhân hộ sinh. Người thực hành trình độ cử nhân chỉ được phân công cho người hướng dẫn có trình độ cử nhân trở lên	06 tháng
5	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	Trung cấp, cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học	06 tháng

Người thực hành có trình độ đào tạo cao hơn trình độ của người hướng dẫn không được phân công cho người hướng dẫn đó. Đối với chức danh kỹ thuật y *(xét nghiệm y học)*, Bệnh viện chỉ tiếp nhận người thực hành có trình độ trung cấp hoặc cao đẳng do người hướng dẫn hiện có trình độ cao đẳng; sau khi bổ sung người hướng dẫn có trình độ cử nhân, Bệnh viện sẽ điều chỉnh, thông báo bổ sung.

Trong đó, thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng đối với chức danh bác sĩ và y sĩ; 01 tháng đối với chức danh điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật y *(khoản 1, 2, 3 Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP)*.

Nội dung, chương trình hướng dẫn thực hành cụ thể cho từng chức danh thực hiện theo Khung chương trình hướng dẫn thực hành đã được Giám đốc Bệnh viện ban hành kèm theo các Quyết định sau:

STT	Chức danh	Căn cứ Khung chương trình thực hành
1	Bác sĩ	Quyết định số 263/QĐ-BVĐKKVTMR ngày 23/11/2026 của BVĐKKV Tu Mơ Rông
2	Y sĩ đa khoa	Quyết định số 264/QĐ-BVĐKKVTMR ngày 23/11/2026 của BVĐKKV Tu Mơ Rông
3	Kỹ thuật y *(Xét nghiệm y học)*	Quyết định số 265/QĐ-BVĐKKVTMR ngày 23/11/2026 của BVĐKKV Tu Mơ Rông
4	Hộ sinh	Quyết định số 266/QĐ-BVĐKKVTMR ngày 23/11/2026 của BVĐKKV Tu Mơ Rông

STT	Chức danh	Căn cứ Khung chương trình thực hành
5	Điều dưỡng	Quyết định số 267/QĐ-BVĐKKVTMR ngày 23/11/2026 của BVĐKKV Tu Mơ Rông

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành

- Tất cả người hướng dẫn thực hành có tên trong Danh sách kèm theo Bản công bố này đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP *(có Giấy phép hành nghề/Chứng chỉ hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành; có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành; có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên)*. Mỗi người hướng dẫn thực hành chỉ hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

- Việc phân công người hướng dẫn thực hành bảo đảm người hướng dẫn có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành (*điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP)*, cụ thể: Người hướng dẫn có trình độ cao đẳng chỉ được phân công hướng dẫn người thực hành có trình độ trung cấp hoặc cao đẳng; người thực hành có trình độ cử nhân chỉ được phân công cho người hướng dẫn có trình độ cử nhân, thạc sĩ, chuyên khoa hoặc bác sĩ tương ứng với chức danh thực hành.

(Có Phụ lục danh sách nhân sự để hướng dẫn thực hành kèm theo Bản công bố này).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác

Không có nội dung thực hành nào phải ký hợp đồng hợp tác với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác; Bệnh viện có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp, tự đáp ứng đủ các chuyên khoa theo nội dung thực hành quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP *(điểm b khoản 1 Điều 6)* cho các chức danh nêu tại Mục 1.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận

Tối đa 5 người thực hành/đợt tiếp nhận cho mỗi chức danh, cụ thể:

STT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số lượng *(người)*
1	Bác sĩ	Y khoa	Tối đa 5 người
2	Y sĩ	Đa khoa	Tối đa 5 người
3	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Tối đa 5 người
4	Hộ sinh	Hộ sinh	Tối đa 5 người

STT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Số lượng *(người)*
5	Kỹ thuật y	Xét nghiệm y học	Tối đa 5 người

5. Chi phí hướng dẫn thực hành

Thực hiện theo Quyết định số 216/QĐ-BVĐKKVTMR ngày 29/9/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Tu Mơ Rông về việc công khai giá thu phí hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các chức danh chuyên môn, cụ thể:

- Chức danh Bác sĩ: 1.200.000đ/1 tháng x 12 tháng = 14.400.000đ/người.

- Chức danh Y sĩ: 1.200.000đ/1 tháng x 9 tháng = 10.800.000đ/người.

- Chức danh Điều dưỡng, Hộ sinh và Kỹ thuật y: 1.200.000đ/1 tháng x 6 tháng = 7.200.000đ/người.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tu Mơ Rông cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố nêu trên.

**** Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố:***

- Quyết định và Khung chương trình hướng dẫn thực hành đối với từng chức danh chuyên môn nêu tại Mục 1;

- Bản sao Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 1066/QNG-GPHĐ;

- Bản sao phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

- Bản sao các Quyết định phê duyệt Danh mục kỹ thuật của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao Giấy phép hành nghề và Quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề của người hướng dẫn thực hành;

- Quyết định công khai giá thu phí hướng dẫn thực hành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo BVĐKKV Tu Mơ Rông;
- Các khoa, phòng thuộc Bệnh viện;
- Trang thông tin điện tử Bệnh viện;
- Lưu: VT, KHTH-DD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TU MƠ RÔNG

Đinh Thành Hải

Phụ lục

DANH SÁCH NHÂN SỰ ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Văn bản công bố số: ...../VBCB-BVĐKKVTMR ngày ..... tháng.....năm……
của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tu Mơ Rông)

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TU MƠ RÔNG.

2. Địa chỉ: Thôn Mô Pả, xã Tu Mơ Rông, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thời gian làm việc hằng ngày: Buổi sáng từ 7h00 - 11h00, buổi chiều từ 13h00 - 17h00, từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, *(trừ ngày Lễ, Tết).*

4. Quy Mô: 100 giường bệnh.

5. Danh sách người hướng dẫn thực hành

STT	Họ và tên	Bằng cấp chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian khám bệnh chữa bệnh (năm)
I	**Hướng dẫn thực hành Bác sĩ y khoa**				
1	Đinh Thành Hải	ThS.BSCKI Nội khoa, CKĐH Răng - Hàm - Mặt.	000550/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám chữa bệnh định hướng chuyên khoa Răng-Hàm-Mặt, khám chữa bệnh chuyên khoa Nội	23
2	Nguyễn Thành Thảo	Bác sĩ đa khoa, BSCKI Truyền nhiễm.	000118/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa truyền nhiễm và nhiệt đới.	23
3	A Ving	Bác sĩ đa khoa, BSCKI Hồi sức cấp cứu	001730/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.	10
4	A Trọng	Bác sĩ, CKĐH Nội	2147/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	9

		khoa.			
5	Lê Thị Nhất	Bác sĩ Y đa khoa, BSCKI Chẩn đoán hình ảnh.	2232/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.	9
6	Nguyễn Thị Hồng Yến	Bác sĩ đa khoa, CKĐH Răng - Hàm - Mặt	000650/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt.	20
7	Y Búp	Bác sĩ, BSCKI Nội khoa.	2119/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.	9
8	Đào Phú Huynh	Bác sĩ Y khoa, BSCKI Nội khoa.	2784/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.	19
9	Cành Tô Ly Mi	Bác sĩ Y đa khoa, BSCKI Sản - Phụ khoa	2192/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản - Phụ khoa.	9
10	Y Tú	Bác sĩ Y khoa	2693/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	5
11	A Việt	Bác sĩ Y đa khoa	2323/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	8
Tổng: 11					
II	**Hướng dẫn thực hành Y sĩ đa khoa**				
1	Đinh Thành Hải	ThS.BSCKI Nội khoa, CKĐH Răng - Hàm - Mặt.	000550/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám chữa bệnh định hướng chuyên khoa Răng-Hàm-Mặt, khám chữa bệnh chuyên khoa Nội	23
2	Nguyễn Thành Thảo	Bác sĩ đa khoa, BSCKI Truyền nhiễm.	000118/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa truyền nhiễm và nhiệt đới.	23
3	A Ving	Bác sĩ đa khoa, BSCKI Hồi sức cấp cứu	001730/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.	10

4	A Trọng	Bác sĩ, CKĐH Nội khoa.	2147/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	9
5	Lê Thị Nhất	Bác sĩ Y đa khoa, BSCKI Chẩn đoán hình ảnh.	2232/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.	9
6	Nguyễn Thị Hồng Yến	Bác sĩ đa khoa, CKĐH Răng - Hàm - Mặt	000650/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt.	20
7	Y Búp	Bác sĩ, BSCKI Nội khoa.	2119/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.	9
8	Đào Phú Huynh	Bác sĩ Y khoa, BSCKI Nội khoa.	2784/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.	19
9	Cành Tô Ly Mi	Bác sĩ Y đa khoa, BSCKI Sản - Phụ khoa	2192/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản - Phụ khoa.	9
10	Y Tú	Bác sĩ Y khoa	2693/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	5
11	A Việt	Bác sĩ Y đa khoa	2323/KT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.	8
Tổng: 11					
III	**Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng**				
1	Bùi Văn Đố	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng III)*	000673/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	19
2	Ngô Văn Thuyết	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng III)*	000681/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	20
3	Ngô Thị Uyên	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng III)*	000676/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	16

4	Lê Xuân Minh	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng IV)*	2729/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	5
5	Nguyễn Thị Phương Thảo	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng IV)*	004264/QT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	5
6	Trần Thị Thu Hà	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng III)*	000706/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	13
7	Trần Thị Huế	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng III)*	001498/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	13
8	Ngô Thị Tươi	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng III)*	000687/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	14
9	Hồ Thị Sen	Cử nhân Điều dưỡng *(Điều dưỡng Hạng III)*	000708/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về điều dưỡng.	15
Tổng: 09					
IV	**Hướng dẫn thực hành Hộ sinh**				
1	Trần Thị Diễm Châu	Cử nhân điều dưỡng - Chuyên ngành Sản phụ khoa *(Hộ Sinh hạng III)*	2332/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về hộ sinh.	10
2	Phan Thị Thu Cúc	Cử nhân điều dưỡng - Chuyên ngành Hộ sinh *(Hộ Sinh hạng III)*	001615/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về hộ sinh.	12
3	Nguyễn Thị Huyền Trang	Cao đẳng Hộ sinh *(Hộ sinh hạng IV)*	000693/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về hộ sinh.	21
4	Nguyễn Thị Tú Vi	Cao đẳng Hộ sinh *(Hộ sinh hạng IV)*	000656/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về hộ sinh.	16
Tổng: 04					

V	**Hướng dẫn thực hành Kỹ thuật y**				
1	Vũ Thị Huế	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	000668/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm.	14
2	Y Lem	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	000707/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm.	14
3	Trịnh Thị Thơm	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	000701/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm.	14
Tổng: 03					